

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP K
TÊN HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ 2
M? H OC PHÀN : ACC - 303

ĐỢT HỌC	5
TÍN CHỈ	3
LẦN THI	1

Ngày thi: 13/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				10		10		25				55	100			
1	162310368	Mai Thị Thúy An	B16KDN	6.5		7		7				9.5	8.3	Tầm pháp Ba		
2	162310381	Nguyễn Thị Thu Hà	B16KDN	6		0		6				9	7.1	Báý pháp Mắı		
3	162320238	Phạm Thị Trường An	B16KDN	6		6.5		7				8	7.4	Báý pháp Bắı		
4	162320239	Trịnh Thị Hà An	B16KDN	8		7		7				9	8.2	Tầm pháp Hai		
5	162320240	Đoàn Thị Lan Anh	B16KDN	5		6		0				HP	0.0	Khăng		
6	162320242	Hoàng Trần Hải Anh	B16KDN	7		7		7				8.5	7.8	Báý pháp Tầm		
7	162320244	Phạm Thị Vân Anh	B16KDN	8.5		7.5		6.5				5.5	6.3	Sắı pháp Ba		
8	162320246	Trương Thị Kim Anh	B16KDN	7		7		7				9.5	8.4	Tầm pháp Bắı		
9	162320247	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	B16KDN	7		7		7				9	8.1	Tầm pháp Mắı		
10	162320248	Trịnh Minh Nhật Ánh	B16KDN	0		5		5				3	0.0	Khăng		
11	162320250	Phan Thị Thu Diễm	B16KDN	8		7		6.5				2	0.0	Khăng		
12	162320251	Nguyễn Thị Diệu	B16KDN	7		7		7				V	0.0	Khăng		
13	162320252	Nguyễn Ngọc Phương Dung	B16KDN	9		7.5		8				9.5	8.9	Tầm pháp Chên		
14	162320253	Tạ Thị Dung	B16KDN	8		7		7.5				8.5	8.1	Tầm pháp Mắı		
15	162320254	Đặng Thị Anh Đào	B16KDN	6		6.5		6				9	7.7	Báý pháp Báý		
16	162320257	Nguyễn Thị Hà	B16KDN	7		7		7				V	0.0	Khăng		
17	162320258	Nguyễn Thị Thu Hà	B16KDN	6.5		6.5		7				9.5	8.3	Tầm pháp Ba		
18	162320260	Võ Thị Thanh Hà	B16KDN	6		6.5		7				8.5	7.7	Báý pháp Báý		
19	162320261	Đinh Thị Hồng Hạnh	B16KDN	5		6		6				5	5.4	Nằm pháp Bắı		
20	162320262	Đinh Thị Mỹ Hạnh	B16KDN	5		6		6.5				5	5.5	Nằm pháp Nằm		
21	162320263	Võ Thị Mỹ Hạnh	B16KDN	7		7		7				3	0.0	Khăng		
22	162320264	Lê Thị Hằng	B16KDN	8		7		7				3	0.0	Khăng		
23	162320265	Trịnh Thị Hằng	B16KDN	9		7.5		8				9.5	8.9	Tầm pháp Chên		
24	162320266	Phạm Thị Hân	B16KDN	9		7.5		8				9	8.6	Tầm pháp Sáı		
25	162320267	Lê Thị Hiền	B16KDN	8		7		6.5				8	7.5	Báý pháp Nằm		
26	162320269	Võ Thị Thu Hiền	B16KDN	8		7		7				8.3	7.8	Báý pháp Tầm		
27	162320270	Bùi Thị Như Hiệp	B16KDN	5		6.5		6				3	0.0	Khăng		
28	162320271	Ngô Thị Minh Hiếu	B16KDN	8		7		7				9	8.2	Tầm pháp Hai		
29	162320277	Nguyễn Thị Huyền	B16KDN	8		7		7				9.5	8.5	Tầm pháp Nằm		
30	162320279	Phan Thanh Huyền	B16KDN	8		7		7				3.5	0.0	Khăng		
31	162320280	Trương Thị Hương	B16KDN	6		6.5		6.5				9.5	8.1	Tầm pháp Mắı		
32	162320282	Hoàng Việt Hưng	B16KDN	5		6		6				3.5	0.0	Khăng		
33	162320283	Phạm Thiên Hưng	B16KDN	8		7		7				3.5	0.0	Khăng		
34	162320284	Võ Thị Xuân Hưng	B16KDN	6		6.5		7				HP	0.0	Khăng		
35	162320285	Trương Thị Hường	B16KDN	7		7		7				2	0.0	Khăng		
36	162320287	Võ Thị Kiều	B16KDN	9		7.5		7.5				3	0.0	Khăng		
37	162320288	Ngô Thị Phương Lan	B16KDN	9		7.5		7.5				8.5	8.2	Tầm pháp Hai		
38	162320289	Võ Thị Ngọc Lan	B16KDN	7		7		6				8.3	7.5	Báý pháp Nằm		
39	162320291	Lê Thị Liên	B16KDN	6		6.5		6.5				HP	0.0	Khăng		
40	162320293	Ngô Thị Mỹ Linh	B16KDN	8		7		7				8.5	7.9	Báý pháp Chên		

Ngày thi: 13/01/2012

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
41	162320295	Nguyễn Thị Minh	Loan	B16KDN	7		6.5		7				7	7.0	Báỷ	
42	162320296	Phan Thị Hương	Loan	B16KDN	7		7		7				5	5.9	Nằm pháỷ Chên	
43	162320297	Phan Thị Kim	Loan	B16KDN	8		7		7				6	6.6	Sầủ pháỷ Sầủ	
44	162320298	Nguyễn Thị Ái	Lương	B16KDN	8		7		7				6	6.6	Sầủ pháỷ Sầủ	
45	162320300	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	B16KDN	7		7		7				V	0.0	Khăng	
46	162320301	Phạm Thị	Mai	B16KDN	6		6.5		6.5				V	0.0	Khăng	
47	162320304	Đoàn Thị Thanh	Nga	B16KDN	8		7		7				3	0.0	Khăng	
48	162320305	Phan Nguyễn Phương	Nga	B16KDN	6		6.5		6				3	0.0	Khăng	
49	162320306	Đào Nguyễn Thị Kim	Ngọc	B16KDN	6		6.5		7				6	6.3	Sầủ pháỷ Ba	
50	162320307	Phan Hoàng Bảo	Ngọc	B16KDN	5		6		6.5				8.8	7.6	Báỷ pháỷ Sầủ	
51	162320309	Hà L? Phúc	Nguyên	B16KDN	8		7		7				9.5	8.5	Tầủ pháỷ Nằm	
52	162320310	Lê Thị Ánh	Nguyệt	B16KDN	8		7		7				1	0.0	Khăng	
53	162320311	Lê Thị Thanh	Nhàn	B16KDN	9		7.5		7.5				6	6.8	Sầủ pháỷ Tầủ	
54	162320314	V? Thị Minh	Nho	B16KDN	8		7		7				9	8.2	Tầủ pháỷ Hai	
55	162320315	Nguyễn Thị Nguyệt	Nhung	B16KDN	8		7		7				6	6.6	Sầủ pháỷ Sầủ	
56	162320316	Trần Thị	Nhung	B16KDN	5		6.5		6.5				9.5	8.0	Tầủ	
57	162320317	Trần Thị Cẩm	Nhung	B16KDN	8		7		7				9.3	8.4	Tầủ pháỷ Bầủ	
58	162320318	Lê Thị Kim	Như	B16KDN	7		7		6.5				4.5	5.5	Nằm pháỷ Nằm	
59	162320319	Hồ Thị	Ninh	B16KDN	8		7		7				V	0.0	Khăng	
60	162320320	Huỳnh Thị Ngọc	Oanh	B16KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng	
61	162320322	Nguyễn Phan Quỳnh	Phương	B16KDN	8		7.5		7.5				6	6.7	Sầủ pháỷ Báỷ	
62	162320323	Trần Thị	Phượng	B16KDN	6.5		6.5		6.5				5.5	6.0	Sầủ	
63	162320326	Nguyễn Thị Uyên	Sa	B16KDN	0		0		5				HP	0.0	Khăng	
64	162320327	V? Thị Ny	Sa	B16KDN	8		7		7				6.5	6.8	Sầủ pháỷ Tầủ	
65	162320331	Phan Thị	Thanh	B16KDN	8		7		7				6.5	6.8	Sầủ pháỷ Tầủ	
66	162320332	Đặng Thị	Thảo	B16KDN	8		7		7.5				3.5	0.0	Khăng	
67	162320333	Lương Thị Thu	Thảo	B16KDN	7		7		7				5.5	6.2	Sầủ pháỷ Hai	
68	162320334	Nguyễn Thị	Thảo	B16KDN	8		7		6.5				3	0.0	Khăng	
69	162320335	Trần Thị	Thắm	B16KDN	6.5		7		6				V	0.0	Khăng	
70	162320337	Nguyễn Thị	Thùy	B16KDN	0		5		5				V	0.0	Khăng	
71	162320339	Nguyễn Thị Thu	Thủy	B16KDN	6		6.5		6				V	0.0	Khăng	
72	162320340	Trần Thị Hương	Thủy	B16KDN	6		6.5		7				4.5	5.5	Nằm pháỷ Nằm	
73	162320341	Lại Thị Thanh	Thúy	B16KDN	6		6.5		7				9	8.0	Tầủ	
74	162320342	Vũ Lê Thu	Thúy	B16KDN	5		6		6.5				9.3	7.8	Báỷ pháỷ Tầủ	
75	162320343	Lê Thị Thu	Thương	B16KDN	0		5		5				5.5	4.8	Bầủ pháỷ Tầủ	
76	162320345	Nguyễn Thanh	Tín	B16KDN	6		6.5		6.5				9.3	8.0	Tầủ	
77	162320346	Hoàng Thị Xuân	Trang	B16KDN	6		6.5		6				9.5	8.0	Tầủ	
78	162320348	Lê Thùy	Trang	B16KDN	8		7		7				3	0.0	Khăng	
79	162320349	Lương Thị	Trang	B16KDN	0		0		0				HP	0.0	Khăng	
80	162320350	Nguyễn Thị Huyền	Trang	B16KDN	6		6.5		6.5				V	0.0	Khăng	
81	162320351	Phan Quỳnh	Trang	B16KDN	6		6.5		6				5.5	5.8	Nằm pháỷ Tầủ	
82	162320354	Khắc Nguyễn Thùy	Trâm	B16KDN	6		6.5		7				8.8	7.8	Báỷ pháỷ Tầủ	
83	162320355	Nguyễn Thị Lệ	Trâm	B16KDN	8		7		7				9.5	8.5	Tầủ pháỷ Nằm	

ST T	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					10		10		25				55	100		
84	162320356	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	B16KDN	6		6.5		0				3.5	0.0	Khăng	
85	162320358	Phạm Thị	Tuyền	B16KDN	9		7.5		8				9.5	8.9	Tầm pháp Chên	
86	162320359	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	B16KDN	5		6		6			V		0.0	Khăng	
87	162320360	Lê Hạnh	Uyên	B16KDN	0		5		5				9.5	7.0	Báy	
88	162320361	Trần Hoàng Phương	Uyên	B16KDN	8		7		7				7	7.1	Báy pháp Mắti	
89	162320363	Nguyễn Thị Hồng	Việt	B16KDN	0		0		0			HP		0.0	Khăng	
90	162320364	Trương Thị Tường	Vy	B16KDN	7		7		7				9	8.1	Tầm pháp Mắti	
91	162320365	Lê Hải	Yến	B16KDN	7		7		7				9.5	8.4	Tầm pháp Bắu	
92	162320366	Lê Thị Hải	Yến	B16KDN	7		7		7				5	5.9	Nằm pháp Chên	
93	162320367	Nguyễn Thị Hải	Yến	B16KDN	8		7		7				9.3	8.4	Tầm pháp Bắu	
94	162330892	Trần Thị Hoành	Trang	B16KDN	5		6		6.5				7	6.6	Sầu pháp Sầu	
95	162330896	Phạm Thị Diễm	Trâm	B16KDN	8		7		7				6	6.6	Sầu pháp Sầu	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	61	64%	
2	Số sinh viên nợ	34	36%	
TỔNG CỘNG :		95	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẢNG 2

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 02 năm 2012

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

(k? và ghi r? họ tên)

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Phạm Hồng Phương

Hồ Hà Đông

ThS. Nguyễn Hữu Phú